

BÁO CÁO

**Tổng kết 20 năm triển khai chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo
và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP
ngày 04/10/2002 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Phần thứ nhất

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG ƯU ĐÃI
ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC
GIAI ĐOẠN 2002-2022**

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG TRÊN ĐỊA BÀN

1. Đặc điểm tình hình chung của địa phương

Kiên Giang là tỉnh nằm về phía Tây – Nam của Tổ quốc, có diện tích tự nhiên là 6.346,27 km², là tỉnh có đường biên giới trên đất liền tiếp giáp Campuchia 56,8 km, bờ biển dài hơn 200 km. Đơn vị hành chính tỉnh gồm 15 huyện, thành phố, trong đó có 02 huyện, thành phố đảo (Phú Quốc và Kiên Hải); 144 xã, phường, thị trấn, trong đó có 09 xã đảo và 05 xã thuộc vùng khó khăn (theo Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ). Dân số toàn tỉnh gần 1.733 ngàn người, 461.133 hộ dân với 06 dân tộc chính (Kinh, Hoa, Khmer, Chăm, Tây, Ê Đê); dân tộc thiểu số trên 69 ngàn hộ, chiếm 15%. Giai đoạn 2022-2025, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều 2,57%, tỷ lệ hộ cận nghèo 4,22%.

2. Đặc điểm tình hình chung hoạt động của NHCSXH

Ngày 04/10/2002, Chính phủ ban hành Nghị định số 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Ngân hàng Phục vụ người nghèo sau khi tách khỏi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chi nhánh NHCSXH tỉnh Kiên Giang được thành lập theo Quyết định số 77/QĐ-HĐQT ngày 14/01/2003 của Chủ tịch HĐQT NHCSXH và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 05/6/2003.

Sau 20 năm hoạt động, được sự quan tâm, chỉ đạo của các cơ quan Đảng, chính quyền các cấp, sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH, sự đồng tình ủng hộ của nhân dân, cùng với sự phấn đấu nỗ lực của tập thể cán bộ, nhân viên trong đơn vị, NHCSXH tỉnh Kiên Giang đã thực hiện tốt những mục tiêu mà Đảng bộ, chính quyền đề ra là: Tập trung nguồn lực trong công tác giảm nghèo; nâng cao chất lượng và hiệu quả vốn tín dụng chính sách; tách tín dụng chính sách ra khỏi tín dụng thương mại; huy động lực lượng toàn xã hội tham gia vào sự nghiệp xóa đói giảm nghèo, góp phần hạn chế hoạt động “Tín dụng đen” trên địa bàn, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa,

góp phần thiết thực vào công tác giảm nghèo, an sinh xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 78/2002/NĐ-CP

1. Mô hình tổ chức hoạt động của Chi nhánh NHCSXH tỉnh

Trong 20 năm qua, mô hình tổ chức của Chi nhánh NHCSXH tỉnh luôn được quan tâm hoàn thiện phù hợp với thực tiễn và có hiệu quả, huy động được sức mạnh của toàn xã hội tham gia hoạt động tín dụng chính sách. Mô hình tổ chức của NHCSXH trên địa bàn hiện nay gồm bộ máy quản trị là Ban Đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh, cấp huyện; bộ máy điều hành, tác nghiệp của Chi nhánh.

1.1. Về bộ máy quản trị

- Ban Đại diện HĐQT NHCSXH các cấp được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 162/QĐ-HĐQT ngày 17/4/2003 của HĐQT NHCSXH. Trong 20 năm qua, Ban Đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh và cấp huyện thường xuyên được củng cố, bổ sung, kiện toàn kịp thời, đảm bảo công tác chỉ đạo triển khai tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn được thông suốt, hiệu quả, không bị gián đoạn. Thành phần Ban Đại diện HĐQT tỉnh và cấp huyện gồm có: đồng chí Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cùng cấp làm Trưởng ban, các thành viên là đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Văn phòng UBND, Ngân hàng Nhà nước, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Tài chính, Lao động- Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc, Chi nhánh NHCSXH tỉnh và 100% Chủ tịch UBND cấp xã. Đến ngày 31/8/2022, tổng số thành viên Ban Đại diện HĐQT 02 cấp có 322 thành viên: cấp tỉnh 14 thành viên, cấp huyện 308 thành viên (trong đó có 144 thành viên là Chủ tịch UBND cấp xã).

- Trong quá trình hoạt động, Ban Đại diện HĐQT NHCSXH luôn bám sát Nghị quyết và chương trình kế hoạch của HĐQT, NHCSXH Trung ương, của cấp ủy, chính quyền địa phương, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách về tín dụng ưu đãi tạo điều kiện cho NHCSXH phát triển ổn định; hàng năm xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra giám sát và phân công địa bàn cụ thể từng thành viên thực hiện tốt chức năng kiểm tra giám sát đối với hoạt động của NHCSXH; điều hành, phân giao chỉ tiêu kế hoạch vốn tín dụng chính sách sát với nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng, điều kiện thực tế tại các huyện, thành phố; đồng thời chỉ đạo huyện, thành phố phân giao vốn đến cấp xã và UBND cấp xã phân giao chỉ tiêu vốn đến tận các ấp, khu phố. Tổ chức họp theo định kỳ hàng quý để đánh giá kết quả công việc đã làm được và những việc còn tồn tại, hạn chế của kỳ trước, đề ra nhiệm vụ cụ thể cho kỳ tiếp theo, thực hiện phân công các thành viên phụ trách chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc quản lý nguồn vốn tín dụng chính sách và công tác giảm nghèo đến tất cả các huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn; tham mưu UBND tỉnh, cấp huyện chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn như: Hàng năm

bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang NHCSXH để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách; bố trí địa điểm xây dựng trụ sở làm việc của Chi nhánh NHCSXH tỉnh và Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thành phố; chỉ đạo UBND cấp xã bố trí địa điểm giao dịch xã, đảm bảo an ninh, an toàn đối với hoạt động giao dịch với người dân trong khuôn viên của UBND xã, phường, thị trấn ...

- Ban Đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh, cấp huyện đã thực hiện tốt chức năng quản trị, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về tín dụng chính sách xã hội tại địa phương. Chỉ đạo gắn tín dụng chính sách với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; chỉ đạo các ban, ngành có liên quan và chính quyền các cấp phối hợp với NHCSXH, tổ chức CT-XH nhận ủy thác triển khai kịp thời, có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn.

- Việc bổ sung Chủ tịch UBND cấp xã tham gia Ban Đại diện HĐQT NHCSXH cấp huyện nhằm nâng cao vai trò quản lý Nhà nước và trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền cấp xã đối với hoạt động tín dụng chính sách tại cơ sở, cũng như việc triển khai và thực hiện các chương trình tín dụng chính sách, đồng thời quản lý tốt nguồn vốn tín dụng chính sách trên địa bàn xã. Thông qua công tác triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, Chủ tịch UBND cấp xã kịp thời nắm bắt được tình hình quản lý vốn vay, kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị.

Mô hình tổ chức quản trị của Ban Đại diện HĐQT NHCSXH các cấp mang tính đặc thù riêng, rất phù hợp với điều kiện, đặc điểm của địa phương, đáp ứng yêu cầu tập trung nguồn lực xã hội, tăng hiệu quả sử dụng vốn, góp phần thực hiện xã hội hóa hoạt động tín dụng chính sách.

1.2. Bộ máy điều hành, tác nghiệp

Ngay từ những ngày đầu thành lập, được sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương, của cấp ủy, chính quyền địa phương, NHCSXH đã xây dựng cơ cấu bộ máy gọn nhẹ, đảm bảo cho hoạt động, số lượng cán bộ đủ cho việc triển khai các hoạt động tín dụng ưu đãi được thông suốt. Cơ cấu tổ chức Chi nhánh NHCSXH tỉnh gồm có Ban Giám đốc Chi nhánh, 05 phòng chuyên môn nghiệp vụ và 14 phòng giao dịch NHCSXH tại các huyện, thành phố. Khi mới thành lập năm 2003, toàn Chi nhánh NHCSXH tỉnh có 22 cán bộ, đến ngày 31/8/2022 có 197 cán bộ (trong đó: 165 cán bộ chuyên môn nghiệp vụ; 32 cán bộ, người lao động hợp đồng 12 tháng), trong đó: trình độ trên đại học 13 cán bộ, chiếm 6,6%, trình độ đại học 144 cán bộ, chiếm 73,1%, cán bộ có trình độ cao đẳng, trung cấp 06 cán bộ, chiếm 3,0%, cán bộ có trình độ khác: 34 cán bộ, chiếm 17,3%. Trình độ năng lực cán bộ trong đơn vị đáp ứng được yêu cầu công việc và từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trong 20 năm qua, NHCSXH đã xây dựng và hoàn thiện bộ máy điều hành tác nghiệp tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, tổ chức điều hành quản lý thống nhất từ Trung ương đến địa phương, đồng thời quan tâm xây dựng được đội ngũ cán bộ

đảm bảo về chất lượng, giỏi một việc, biết nhiều việc, nỗ lực vượt khó với tinh thần trách nhiệm cao, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao. Đội ngũ cán bộ tại Chi nhánh NHCSXH tỉnh thường xuyên được quan tâm bồi dưỡng đạo đức và nghiệp vụ, đảm bảo tốt về đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật và phong cách giao tiếp văn minh, lịch sự, luôn gần dân, sát với dân, tận tụy phục vụ người nghèo và các đối tượng chính sách khác với phương châm ***“thấu hiểu lòng dân, tận tâm phục vụ”***.

2. Phương thức quản lý vốn tín dụng chính sách xã hội đặc thù phù hợp với hệ thống chính trị của Việt Nam

2.1. Về phương thức quản lý vốn tín dụng chính sách

NHCSXH thực hiện phương thức cho vay chủ yếu trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc thông qua các tổ chức chính trị- xã hội (Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh). Việc ủy thác qua các tổ chức CT-XH được thực hiện trên cơ sở Văn bản liên tịch được ký kết giữa NHCSXH với tổ chức CT-XH cấp tỉnh, cấp huyện. Hợp đồng ủy thác được ký kết giữa NHCSXH cấp huyện với tổ chức CT-XH cấp xã và hợp đồng ủy nhiệm ký kết với Tổ trưởng Tổ TK&VV.

- Các tổ chức CT-XH cấp tỉnh chỉ đạo các đơn vị nhận ủy thác cấp huyện, xã thường xuyên phối hợp với NHCSXH cùng cấp thực hiện tốt các nội dung công việc trong quy trình cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Thông qua hoạt động ủy thác, các tổ chức CT-XH đã cùng với NHCSXH thực hiện tốt việc công khai hóa, dân chủ hoá và xã hội hoá hoạt động tín dụng chính sách xã hội, giúp cho người dân tiếp cận nguồn vốn vay thuận tiện, nhanh chóng... Đến ngày 31/8/2022, tổng dư nợ ủy thác cho vay qua 04 tổ chức CT-XH đạt 4.433 tỷ đồng, với 150.530 khách hàng đang dư nợ, chiếm tỷ trọng 99,54% trên tổng dư nợ tín dụng chính sách đang triển khai trên địa bàn tỉnh. Trong đó:

+ Hội Nông dân: quản lý 1.391,8 tỷ đồng với 47.711 khách hàng đang vay vốn tại 1.026 Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) chiếm tỷ trọng 31,4%/tổng dư nợ ủy thác cho vay.

+ Hội Liên hiệp Phụ nữ: quản lý 1.692,8 tỷ đồng với 55.920 khách hàng đang vay vốn tại 1.195 Tổ TK&VV, chiếm tỷ trọng 38,19%/tổng dư nợ ủy thác cho vay.

+ Hội Cựu chiến binh: quản lý 721,1 tỷ đồng với 24.974 khách hàng đang vay vốn tại 538 Tổ TK&VV, chiếm tỷ trọng 16,27%/tổng dư nợ ủy thác cho vay.

+ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: quản lý 627,4 tỷ đồng với 21.925 khách hàng đang vay vốn tại 470 Tổ TK&VV, chiếm tỷ trọng 14,15%/tổng dư nợ ủy thác cho vay.

Phương thức ủy thác cho vay qua các tổ chức CT-XH thể hiện tính ưu việt riêng có của NHCSXH, đã huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống CT-XH từ trung ương đến địa phương để chuyển tải nguồn vốn tín dụng chính sách của Nhà nước, giúp hơn 920 ngàn lượt hộ nghèo và các đối tượng chính

sách khác được tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính sách để sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống và vươn lên thoát nghèo. Cùng với mô hình Tổ TK&VV, phương thức ủy thác đã gắn kết ngân hàng, chính quyền, tổ chức CT-XH và Tổ TK&VV chung tay giúp người nghèo và các đối tượng chính sách, lồng ghép hiệu quả chương trình tín dụng với các chương trình khuyến nông, khuyến ngư, chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả vốn tín dụng chính sách, hoạt động của tổ chức hội được mở rộng, phong phú; uy tín của các tổ chức CT-XH được nâng lên, từ đó góp phần xây dựng, củng cố hệ thống chính trị tại cơ sở.

Trong những năm qua, vai trò của Trường áp trong triển khai tín dụng chính sách xã hội tại cơ sở ngày càng được nâng lên, vừa góp phần giúp chuyển tải kịp thời các thông tin về chủ trương, tín dụng chính sách xã hội đến với nhân dân, vừa phát huy vai trò giám sát trong bình xét, lựa chọn đối tượng cho vay tại Tổ TK&VV, giám sát người vay sử dụng vốn, kịp thời phát hiện, phối hợp xử lý những trường hợp phát sinh dễ dẫn đến nguy cơ mất vốn trong quá trình sử dụng vốn của người vay cũng như phối hợp với Tổ TK&VV, tổ chức CT-XH nhận ủy thác, NHCSXH và các cơ quan liên quan trong việc đôn đốc người vay trả nợ khi đến hạn, đôn đốc thu hồi nợ quá hạn tồn đọng trên địa bàn...

2.2. Hoạt động của Điểm giao dịch xã, phường, thị trấn

Tỉnh đã chỉ đạo thành lập 144 Điểm giao dịch của NHCSXH tại 144 xã, phường, thị trấn trên địa bàn 15 huyện, thành phố. Các Điểm giao dịch đều được bố trí trong khuôn viên trụ sở UBND các xã, phường, thị trấn, thực hiện giao dịch vào ngày, giờ cố định hàng tháng (kể cả ngày thứ bảy, chủ nhật). Tại đây, các chủ trương, chính sách tín dụng ưu đãi và danh sách khách hàng đang vay vốn cũng như các thông tin về điều kiện, quy trình, thủ tục vay vốn, lãi suất, mức vay của từng chương trình tín dụng tại NHCSXH đều được niêm yết công khai tại Bảng thông tin tín dụng chính sách, khách hàng giao dịch trực tiếp với NHCSXH để gửi tiền, nhận tiền vay và trả nợ dưới sự chứng kiến của cán bộ tổ chức CT-XH, Tổ trưởng Tổ TK&VV và chính quyền cấp xã.

Mô hình Điểm giao dịch tại xã, phường, thị trấn chính là một bước tiến trong cải cách thủ tục hành chính, là đặc thù riêng có của NHCSXH, đã và đang phát huy hiệu quả rất tích cực trong triển khai thực hiện tín dụng chính sách xã hội. Mô hình này vừa tạo thuận lợi cho các đối tượng thụ hưởng tiếp cận dịch vụ, thông tin về tín dụng chính sách xã hội, tiết giảm chi phí, thời gian đi lại, vừa đảm bảo hoạt động tín dụng chính sách xã hội dân chủ, công khai với cách thức “giao dịch tại nhà, giải ngân, thu nợ tại xã”, góp phần hạn chế nguy cơ dẫn đến thất thoát, xâm tiêu, tham ô chiếm dụng vốn, tạo được lòng tin của Nhân dân với các chính sách của Đảng, Nhà nước và đối với hoạt động của NHCSXH.

2.3. Về mạng lưới Tổ TK&VV

Để triển khai thực hiện hiệu quả phương thức cho vay ủy thác, NHCSXH nơi cho vay thường xuyên phối hợp với tổ chức CT-XH nhận ủy thác cấp huyện, cấp xã quan tâm xây dựng, củng cố và kiện toàn các Tổ TK&VV ở cơ sở. Tổ TK&VV do tổ chức CT-XH thành lập, được chính quyền cấp xã chấp thuận cho

phép hoạt động, gồm hộ nghèo và các đối tượng chính sách có nhu cầu vay vốn cùng sống trên một địa bàn dân cư, hoạt động của Tổ theo nguyên tắc tự nguyện, tương trợ, giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống, cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ, trả lãi đúng hạn.

Đến ngày 31/8/2022, toàn tỉnh có 3.229 Tổ TK&VV đang hoạt động tại 957 ấp, khu phố, thuộc quản lý của 04 tổ chức CT-XH nhận ủy thác với tổng số 150.530 thành viên, bình quân mỗi Tổ có 47 thành viên. Kết quả đánh giá, xếp loại hoạt động của Tổ TK&VV như sau: loại tốt 1.818 Tổ, chiếm 56,3%; khá 723 Tổ, chiếm 22,39%; trung bình 611 Tổ, chiếm 18,92% và loại yếu 77 Tổ, chiếm 2,39%.

Trong 20 năm qua, hoạt động của mạng lưới Tổ TK&VV đã phát huy vai trò quan trọng trong triển khai thực hiện tín dụng chính sách xã hội, Tổ TK&VV là “cánh tay nối dài” của NHCSXH trong thực hiện tín dụng chính sách xã hội, là cầu nối giữa ngân hàng với người vay vốn, đã góp phần chuyển tải nguồn vốn tín dụng ưu đãi đến với các đối tượng được thụ hưởng kịp thời, thuận lợi, bảo đảm công khai, dân chủ, tạo ra hiệu quả kinh tế, chính trị, xã hội; việc bình xét cho vay, chọn đối tượng vay xuất phát từ Tổ TK&VV, nên ý thức sử dụng đồng vốn và thực hiện tốt nghĩa vụ vay trả của người vay đều chịu tác động rất lớn từ vai trò, trách nhiệm của Ban quản lý Tổ TK&VV.

3. Tập trung huy động được các nguồn lực tài chính đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vay vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách khác

Thực hiện chủ trương đa dạng hóa nguồn lực thực hiện tín dụng chính sách xã hội, để đảm bảo có đủ nguồn vốn thực hiện các chương trình tín dụng chính sách trên địa bàn, cùng với nguồn vốn cân đối từ Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo việc huy động và tập trung các nguồn lực tài chính, đáp ứng nhu cầu vay vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Tổng nguồn vốn đến ngày 31/8/2022 đạt 4.468,6 tỷ đồng, tăng 4.377,7 tỷ đồng, (tăng 4.82%) so với năm 2002, tăng hơn 48 lần so với thời điểm nhận bàn giao, bình quân mỗi năm tăng 218,9 tỷ đồng. Trong đó:

+ Nguồn vốn cân đối từ Trung ương đạt 3.677,2 tỷ đồng, tăng 3.594,2 tỷ đồng (tăng 4.33%) so với năm 2002, chiếm 82,29%/tổng nguồn vốn.

+ Nguồn vốn nhận ủy thác tại địa phương đạt 323,98 tỷ đồng (trong đó ngân sách tỉnh 216,64 tỷ đồng, ngân sách huyện 17,34 tỷ đồng) tăng 316,13 tỷ đồng so với năm 2002; chiếm 7,25 %/tổng nguồn vốn.

+ Nguồn vốn huy động tại địa phương đạt 467 tỷ đồng, tăng 467 tỷ đồng (tăng 100%), chiếm 10,46%/tổng nguồn vốn. Trong đó: nguồn vốn huy động của tổ chức, cá nhân đạt 192,85 tỷ đồng. Tiền gửi của tổ viên Tổ TK&VV đạt 274,55 tỷ đồng. Tiền gửi của tổ viên Tổ TK&VV giúp người nghèo và các đối tượng chính sách biết tiết kiệm trong chi tiêu, tạo thói quen tiết kiệm, tạo lập nguồn vốn tích lũy sử dụng trong tương lai, trong đó có việc đảm bảo nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tiền vay và có một khoản tích lũy khi trả hết nợ với NHCSXH; tiền gửi của các tổ chức, cá nhân huy động tại Điểm giao dịch xã đạt 10,3 tỷ

đồng, chiếm tỷ trọng 2,2%/nguồn vốn huy động. Đây là dịch vụ tiện ích của NHCSXH, giúp cho người dân nông thôn làm quen với các dịch vụ tài chính, ngân hàng, nhất là ở những xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện đi lại khó khăn, thiết thực nhất là tiết kiệm chi phí, thời gian và đảm bảo an toàn cho người dân.

Trong 20 năm qua, nguồn vốn trên địa bàn không ngừng tăng trưởng, ngày càng đáp ứng được tốt hơn nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác. Cơ cấu nguồn vốn có sự chuyển dịch từ nguồn vốn Trung ương sang nguồn vốn địa phương, nhất là sự tăng lên đáng kể của nguồn vốn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố ủy thác sang NHCSXH để cho vay, thể hiện sự quan tâm, vào cuộc quyết liệt của cấp ủy, chính quyền địa phương trong triển khai các chương trình tín dụng chính sách xã hội. Đặc biệt, kể từ khi Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 40-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội, UBND tỉnh, huyện, thành phố cân đối ủy thác sang NHCSXH với số tiền 300 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn cho vay, đáp ứng nhu cầu của người nghèo và các đối tượng chính sách khác, góp phần thực hiện các mục tiêu hàng năm về giảm nghèo nhanh và bền vững, giải quyết việc làm, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

4. Thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác đạt hiệu quả, góp phần quan trọng thực hiện thành công mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới; ưu tiên hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào ở các vùng khó khăn

Ngày đầu mới thành lập, Chi nhánh NHCSXH tỉnh Kiên Giang nhận bàn giao 03 chương trình tín dụng với dư nợ 80,4 tỷ đồng, trong đó: Cho vay hộ nghèo nhận bàn giao từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: 56 tỷ đồng; cho vay giải quyết việc làm nhận bàn giao từ Kho bạc Nhà nước: 23,5 tỷ đồng; cho vay học sinh, sinh viên nhận từ Ngân hàng Công thương: 0,9 tỷ đồng, đến nay, toàn tỉnh đã triển khai cho vay 21 chương trình tín dụng chính sách, tăng 18 chương trình cho vay so với khi nhận bàn giao.

Trong 20 năm thực hiện tín dụng chính sách theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ, NHCSXH đã tập trung giải ngân cho 922.111 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác với doanh số cho vay đạt 12.330,9 tỷ đồng, doanh số thu nợ đạt 7.858,8 tỷ đồng. Đến 31/8/2022, tổng dư nợ đạt 4.453,5 tỷ đồng, tăng 4.373 tỷ đồng, gấp 54,38 lần so với dư nợ khi thành lập, tốc độ tăng trưởng bình quân mỗi năm là 218,7%, số hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác đang dư nợ là 150.703 hộ, dư nợ bình quân đạt 29,55 triệu đồng/khách hàng. Dư nợ tập trung ở một số chương trình tín dụng chính sách chủ yếu, như: Chương trình cho vay hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chiếm tỷ trọng 41,89%; chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn chiếm tỷ trọng 21,97%; chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm chiếm tỷ trọng 12,8%; chương trình cho vay hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn chiếm tỷ trọng 10,38%; các chương trình còn lại chiếm tỷ trọng 12,96%. Nguồn vốn tín dụng chính sách xã

hội phần lớn được tập trung đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; chú trọng ưu tiên, tập trung vốn cho vay hộ nghèo, hộ đồng bào DTTS, cho vay đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, cải thiện cuộc sống từ đó vươn lên thoát nghèo bền vững.

(1) *Chương trình tín dụng hộ nghèo (Nghị định số 78/2002/NĐ-CP)*: dư nợ đạt 589,27 tỷ đồng, tăng 533,2 tỷ đồng so với năm 2002, chiếm 13,23%/tổng dư nợ, với 24.257 hộ đang còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 3.107,9 tỷ đồng, với 411.019 lượt hộ nghèo được vay vốn; nguồn vốn cho vay đối với hộ nghèo đã đáp ứng nhu cầu vay vốn của hộ nghèo trong toàn tỉnh, trong đó tập trung cho các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; giúp cho trên 88 ngàn hộ vươn lên thoát khỏi ngưỡng nghèo.

(2) *Chương trình tín dụng hộ cận nghèo (Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg)*: dư nợ đạt 567,4 tỷ đồng, chiếm 12,74%/tổng dư nợ với 19.278 hộ còn dư nợ, doanh số cho vay đạt 1.285,3 tỷ đồng với 55.182 lượt hộ cận nghèo được vay vốn; đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ SXKD của hộ cận nghèo, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, giảm nguy cơ tái nghèo.

(3) *Chương trình tín dụng hộ mới thoát nghèo (Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg và Quyết định số 02/2021/QĐ-TTg)*: dư nợ đạt 709,17 tỷ đồng, chiếm 15,92%/tổng dư nợ với 23.596 hộ còn dư nợ, doanh số cho vay đạt 1.340,78 tỷ đồng với 47.542 lượt hộ mới thoát nghèo được vay vốn; đã giúp cho hộ mới thoát nghèo có vốn để tiếp tục phát triển SXKD, nâng cao thu nhập, thoát nghèo bền vững. Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo, chính sách tín dụng này đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, được cấp ủy, chính quyền các cấp và người dân đồng tình ủng hộ.

(4) *Chương trình tín dụng NS&VSMTNT (Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg)*: dư nợ đạt 978,75 tỷ đồng, chiếm 21,98%/tổng dư nợ với 66.974 lượt hộ còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 2.172,34 tỷ đồng với 195.119 lượt hộ được vay vốn để xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp sửa chữa công trình nước sạch, công trình vệ sinh đã giúp các hộ gia đình vùng nông thôn sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, góp phần hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, đồng thời nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nhất là khu vực nông thôn.

(5) *Chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)*: dư nợ đạt 570,35 tỷ đồng, chiếm 12,81%/tổng dư nợ với 14.569 khách hàng còn dư nợ, tăng 546,9 tỷ đồng so với năm 2002; doanh số cho vay đạt 1.063,63 tỷ đồng với 36.980 lượt khách hàng được vay vốn; góp phần tạo việc làm và duy trì mở rộng việc làm cho người lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp, tăng thu nhập, mở rộng sản xuất, phát triển các ngành nghề, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa ở nông thôn.

(6) *Chương trình HSSV (Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg)*: dư nợ đạt 298,95 tỷ đồng, chiếm 6,71%/tổng dư nợ với 9.479 khách hàng còn dư nợ, tăng 298,06 tỷ đồng so với năm 2002; doanh số cho vay đạt 1.193,99 tỷ đồng với 59.238 lượt khách hàng được vay vốn. Chính sách tín dụng học sinh, sinh viên có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, cả về kinh tế, chính trị và xã hội, tạo được sự đồng thuận cao của các ngành, các cấp, của cộng đồng xã hội, sự gắn kết giữa kinh tế với xã hội trong công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần tạo nguồn nhân lực cho tỉnh. Qua đó khẳng định chủ trương của Đảng, chính sách của Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg là đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân và xu thế phát triển của xã hội.

(7) *Chương trình cho HSSV có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến (Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg)*: dư nợ đạt 2,38 tỷ đồng, chiếm 0,05%/tổng dư nợ với 238 lượt khách hàng vay vốn.

(8) *Chương trình cho vay hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn (Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg)*: dư nợ đạt 462,52 tỷ đồng, chiếm 10,39%/tổng dư nợ với 13.699 hộ còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 1.617,86 tỷ đồng với 78.954 lượt khách hàng vay vốn.

(9) *Chương trình thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn (Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg)*: dư nợ đạt 9,49 tỷ đồng, chiếm 0,2%/tổng dư nợ với 219 khách hàng còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 41,16 tỷ đồng với 1.330 lượt khách hàng vay vốn.

(10) *Chương trình cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở (Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg và Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg)*: dư nợ đạt 148,68 tỷ đồng, chiếm 3,34%/tổng dư nợ với 9.596 hộ còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 193,33 tỷ đồng với 14.697 lượt hộ được vay vốn. Chương trình đã hỗ trợ hộ nghèo có nhà ở ổn định, an toàn, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần giảm nghèo bền vững.

(11) *Chương trình cho vay nhà ở xã hội (Nghị định số 100/2015/NĐ-CP, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP)*: dư nợ đạt 42,16 tỷ đồng, chiếm 0,95%/tổng dư nợ với 130 hộ còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 49,66 tỷ đồng với 137 lượt hộ được vay vốn. Chương trình đã tạo điều kiện cho người có thu nhập thấp, có khó khăn về nhà ở có điều kiện sở hữu nhà ở, góp phần đảm bảo chính sách an sinh xã hội tại địa phương.

(12) *Chương trình cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*: dư nợ đạt 15,4 tỷ đồng, chiếm 0,34%/tổng dư nợ với 308 khách hàng còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 65,07 tỷ đồng với 2.087 lượt khách hàng vay vốn. Chương trình này đã giúp giải quyết việc làm cho nhiều lao động, góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

(13) *Cho vay đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg)*: dư nợ đạt 1,87 tỷ đồng, chiếm 0,04%/tổng dư nợ với 23 khách hàng còn dư nợ. Nguồn vốn này đã giúp cho khách hàng có vốn để sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị nuôi

đưỡng, chăm sóc, giao dục để phục hồi, duy trì hoạt động đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập.

(14) *Chương trình cho người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất (Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg):* dư nợ đạt 7,53 tỷ đồng, chiếm 0,17%/tổng dư nợ, nguồn vốn tạo điều kiện cho 35 lượt người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất cho 2.527 lượt lao động. Nguồn vốn tạo điều kiện để người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 phục hồi SXKD.

(15) *Chương trình cho vay hộ dân tộc thiểu số đồng bằng sông Cửu Long (Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg và Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg):* dư nợ đạt 16,68 tỷ đồng, chiếm 0,37%/tổng dư nợ với 1.978 hộ còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 68,79 tỷ đồng với 7.164 lượt hộ đã được vay vốn.

(16) *Chương trình cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi (Quyết định số 2085/QĐ-TTg):* dư nợ đạt 3,9 tỷ đồng, chiếm 0,09%/tổng dư nợ, với 167 hộ còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 4,07 tỷ đồng với 172 lượt hộ được vay vốn.

(17) *Chương trình cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi (Nghị định số 75/2015/NĐ-CP):* dư nợ đạt 0,7 tỷ đồng, chiếm 0,02%/tổng dư nợ với 16 còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 0,85 tỷ đồng với 17 lượt hộ đã được vay vốn.

(18) *Chương trình cho vay phát triển sản xuất đối với hộ DTTS đặc biệt khó khăn (Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg, QĐ số 54/2012/QĐ-TTg):* Dư nợ đạt 1,61 tỷ đồng, chiếm 0,04%/tổng dư nợ, với 342 hộ còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 9,78 tỷ đồng với 1.884 lượt hộ đã được vay vốn.

(19) *Chương trình cho vay trả chậm nhà ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long:* dư nợ đạt 24,35 tỷ đồng, chiếm 0,55%/tổng dư nợ, với 1.861 hộ còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 98,43 tỷ đồng với 9.207 lượt hộ đã được vay vốn.

(20) *Cho vay đối tượng chính sách khác (tái hòa nhập cộng đồng, đào tạo sau đại học ở nước ngoài):* dư nợ đạt 2,3 tỷ đồng, chiếm 0,5%/tổng dư nợ, với 87 khách hàng còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 5,21 tỷ đồng với 1.084 lượt khách hàng đã được vay vốn.

(21) *Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi (Nghị định số 28/2022/NĐ-CP):* dư nợ đạt 0,01 tỷ đồng, với 02 lượt khách hàng đã được vay vốn.

Nguồn vốn tín dụng chính sách đã tạo điều kiện cho người nghèo và các đối tượng chính sách có nhu cầu, đủ điều kiện được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng chính sách một cách thuận lợi, kịp thời, giúp cho trên 922 ngàn lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách được vay vốn phát triển sản xuất, góp phần giúp cho trên 89 ngàn hộ thoát nghèo, giải quyết việc làm cho trên 158 ngàn lao động; hỗ trợ trên 2 ngàn người lao động được vay vốn đi làm việc ở nước ngoài; xây dựng trên 252 ngàn công trình vệ sinh và nước sạch; hỗ trợ trên 60 ngàn em HSSV được tiếp bước vào các trường đại học, cao đẳng...;



hỗ trợ trên 200 hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn vay vốn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến cho HSSV; hỗ trợ xây dựng trên 23 ngàn căn nhà cho hộ nghèo và xây dựng trên 100 căn nhà cho hộ gia đình có thu nhập thấp theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP. Vốn tín dụng chính sách đã góp phần hạn chế hoạt tín “Tín dụng đen” trên địa bàn, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, giúp cho người nghèo và các đối tượng chính sách có điều kiện tự lực vươn lên, được làm quen với việc vay, trả nợ ngân hàng, do đó, đã từng bước thay đổi cơ bản nhận thức, giúp hộ vay sử dụng vốn có hiệu quả, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo.

Các chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ giảm nghèo đã được triển khai thực hiện tốt, tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển SXKD, ổn định đời sống, vươn lên thoát nghèo bền vững, cụ thể: giai đoạn 2011-2015, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 8,84% xuống còn 3,58% (tỷ lệ giảm 5,26% so với đầu giai đoạn). Số hộ nghèo giảm trong giai đoạn 20.106 hộ; giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 9,78% xuống còn 1,91% (tỷ lệ giảm 7,87% so với đầu giai đoạn). Số hộ nghèo giảm trong giai đoạn 32.412 hộ.

Kết quả đạt được trong triển khai thực hiện tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh trong 20 năm qua, đã góp phần giảm dần tỷ lệ hộ nghèo qua từng năm; hỗ trợ giải quyết các nhu cầu thiết yếu của người dân trong sinh hoạt đời sống như nhà ở, điện nước, vệ sinh môi trường, học hành, giải quyết việc làm.. góp phần đảm bảo an sinh xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế- xã hội tại địa phương, được Nhân dân đồng tình ủng hộ, phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

5. Kết quả củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách

Cùng với việc tăng trưởng tín dụng, chất lượng hoạt động tín dụng chính sách cũng không ngừng được củng cố và nâng cao. Công tác củng cố nâng cao chất lượng hoạt động, chất lượng tín dụng trên địa bàn, dưới sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, UBND, Ban Đại diện HĐQT NHCSXH các cấp đối với việc nâng cao vai trò trách nhiệm trong việc quản lý vốn tín dụng chính sách, nhiều nơi đã có chuyển biến tích cực, ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành được nâng lên.

NHCSXH đã tích cực tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương, Ban Đại diện HĐQT NHCSXH cùng cấp để tập trung chỉ đạo đồng bộ, toàn diện các giải pháp; đồng thời, triển khai quyết liệt các giải pháp nhằm củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng tại từng xã trên địa bàn.

Đến ngày 31/8/2022, tổng nợ khoanh và nợ quá hạn là 150,14 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 3,37%/tổng dư nợ, giảm 22,34% so với năm 2002. Trong đó: Nợ quá hạn: 54,34 tỷ đồng, chiếm 1,22%/tổng dư nợ, giảm 12,05% so với năm 2002. Nợ khoanh: 95,7 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 2,15%/tổng dư nợ, giảm 10,21% so với năm 2002.

6. Kết quả thực hiện cơ chế phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và cơ chế xử lý nợ rủi ro



Công tác phân loại nợ: thực hiện Quyết định số 976/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế phân loại nợ tại NHCSXH, từ năm 2015 đến nay, Ban Đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh đã chỉ đạo NHCSXH phối hợp với chính quyền cấp xã, tổ chức CT-XH nhận ủy thác và các thành phần liên quan tổ chức 03 đợt đối chiếu phân loại nợ. Quá trình đối chiếu, phân loại nợ được thực hiện nghiêm túc, đúng theo chỉ đạo của cấp trên, đồng thời lồng ghép tuyên truyền về chủ trương tín dụng chính sách để người vay hiểu và chấp hành đúng các quy định, kịp thời chấn chỉnh, ngăn chặn tồn tại, hạn chế trong quản lý và sử dụng vốn tín dụng chính sách xã hội tại cơ sở. Qua kết quả đối chiếu, phân loại nợ cho thấy vốn tín dụng chính sách xã hội được triển khai đến đúng đối tượng thụ hưởng, người vay sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.

Công tác xử lý nợ rủi ro được quy định rõ ràng, được công khai tại Điểm giao dịch xã và nhiều hình thức khác để khách hàng biết, thực hiện. Các biện pháp xử lý rủi ro được quy định phù hợp tương ứng với mức độ thiệt hại về con người, tài sản của khách hàng. Quy trình xử lý nợ được thực hiện công khai từ cơ sở (ấp), có sự tham gia đánh giá, thẩm tra của NHCSXH và các thành phần liên quan (UBND xã, Công an xã, tổ chức CT-XH nhận ủy thác, Tổ trưởng Tổ TK&VV, Trưởng ấp), hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro đơn giản, đảm bảo yếu tố pháp lý theo quy định. Việc thực hiện các biện pháp xử lý nợ (xóa nợ, khoan nợ) đã giúp cho nhiều khách hàng bị thiệt hại về vốn và tài sản do nguyên nhân khách quan có thêm thời gian phục hồi SXKD để trả nợ ngân hàng. Đặc biệt những trường hợp rủi ro nặng nề về tài sản, con người dẫn đến mất khả năng trả nợ, đã được NHCSXH nơi cho vay phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét xóa nợ. Trong 20 năm, Chi nhánh NHCSXH tỉnh đã cùng các cơ quan phối hợp hoàn thiện, trình cấp trên phê duyệt xử lý khoan nợ cho 23.152 món vay, số tiền là 193 tỷ đồng, xóa nợ cho 19.178 món vay với số tiền là 127 tỷ đồng (trong đó: Số tiền nợ gốc: 99 tỷ đồng; số tiền lãi: 28 tỷ đồng).

7. Công tác kiểm tra, giám sát

- Công tác kiểm tra, giám sát luôn được Ban Đại diện HĐQT NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện, các tổ chức CT-XH nhận ủy thác các cấp quan tâm thực hiện, trong 20 năm qua thực hiện kiểm tra trên 221 lượt huyện, trên 1.953 lượt Điểm giao dịch xã, trên 7.747 lượt Tổ TK&VV, trên 34.809 lượt hộ vay vốn. Công tác giám sát từ xa được quan tâm, chú trọng, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH huyện, thành phố tập trung kiểm tra, kiểm soát 100% Điểm giao dịch xã, tăng cường công tác tự kiểm tra, chấn chỉnh những tồn tại, sai sót sau kiểm tra.

8. Công tác thông tin, tuyên truyền

- Công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động tín dụng chính sách xã hội, các chính sách tín dụng của Đảng và Nhà nước đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được quan tâm thực hiện dưới nhiều hình thức đến các cấp, các ngành, các tầng lớp Nhân dân biết để thực hiện, thông qua các cơ

quan truyền thông báo, đài địa phương; phát hành tờ rơi gửi đến khách hàng... Thông qua việc đa dạng hóa các hoạt động tuyên truyền, hộ nghèo và các đối tượng chính sách được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng ưu đãi kịp thời, các hộ vay vốn có ý thức, trách nhiệm hơn đối với khoản vay của mình và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi vay vốn; sử dụng vốn đúng mục đích, tạo thói quen dành dụm gửi tiền tiết kiệm, nhiều hộ vươn lên thoát nghèo bền vững và nhiều mô hình làm ăn hiệu quả được nhân rộng.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 40-CT/TW, KẾT LUẬN SỐ 06-KL/TW CỦA BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

1. Công tác triển khai thực hiện

Các cấp ủy, UBND đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt Chỉ thị số 40-CT-TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí Thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/06/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW. Tỉnh ủy ban hành Công văn số 104-CV/TU ngày 19/3/2021 về tăng cường chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tín dụng chính sách xã hội; Công văn số 335-CV/TU ngày 21/12/2021 về việc chỉ đạo thực hiện Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 30/12/2021 về triển khai thực hiện Kết luận số 06-KL/TW ngày 10-6-2021 của Ban Bí thư, Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 104-CV/TU ngày 19-3-2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kiên Giang về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh. Cấp ủy, UBND các huyện, thành phố đều có ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư và Công văn số 104-CV/TU, Công văn số 335-CV/TU của Tỉnh ủy.

2. Kết quả thực hiện

(1) *Việc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội:* cấp ủy, chính quyền các cấp đã thống nhất quan điểm về vai trò, vị trí của tín dụng chính sách xã hội trong việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo, giải quyết việc làm, xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh xã hội của địa phương; đã quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Chỉ đạo các tổ chức CT-XH phối hợp với các cơ quan khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp,... cho các hộ dân, nhằm trang bị kiến thức và kỹ thuật mới để người dân áp dụng vào quá trình sản xuất kinh doanh.

(2) *Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức CT-XH trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội:* Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức CT-XH các cấp trong tỉnh quan tâm phối hợp với NHCSXH triển khai thực hiện các chính sách tín dụng tại địa phương, tích cực thực hiện vai trò tuyên truyền các chủ trương, chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước, gắn kết các chương trình mục tiêu của quốc gia với việc thực hiện các chương trình tín dụng của

NHCSXH, góp phần nâng cao hiệu quả từng chương trình cho vay, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

(3) *Nguồn lực thực hiện tín dụng chính sách*: UBND tỉnh, các huyện, thành phố đã quan tâm hỗ trợ NHCSXH về cơ sở vật chất và cân đối nguồn vốn ủy thác sang NHCSXH để bổ sung nguồn vốn cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn. Nguồn vốn ngân sách tỉnh, các huyện, thành phố ủy thác sang NHCSXH từ khi có Chỉ thị đến nay là 300,03 tỷ đồng, nâng tổng nguồn vốn nhận ủy thác của địa phương đạt 323,98 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 7,23% so với tổng nguồn vốn cho vay của NHCSXH tỉnh (trong đó: ngân sách tỉnh tăng 192,74 tỷ đồng và ngân sách huyện, thành phố tăng 107,34 tỷ đồng từ khi có Chỉ thị). Điển hình một số huyện, thành phố có nguồn vốn ngân sách địa phương sang NHCSXH lớn như: thành phố Phú Quốc (49,5 tỷ đồng), thành phố Rạch Giá (09 tỷ đồng), Tân Hiệp (7,34 tỷ đồng), Châu Thành (6,55 tỷ đồng)...

(4) *Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của NHCSXH*: Công tác kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Đại diện HĐQT NHCSXH các cấp được thực hiện thường xuyên; nhất là sau khi Chủ tịch UBND cấp xã tham gia Ban Đại diện HĐQT NHCSXH cấp huyện đã góp phần nâng cao năng lực hoạt động của Ban Đại diện HĐQT NHCSXH cấp huyện; các chủ trương, chính sách được triển khai nhanh chóng, những khó khăn, vướng mắc được Chủ tịch UBND cấp xã trực tiếp chỉ đạo giải quyết kịp thời tại cơ sở...

Đến ngày 31/8/2022, tổng nguồn vốn tín dụng chính sách tăng 2.290 tỷ đồng (105,2%) so với trước khi có Chỉ thị, dư nợ tăng 2.282 tỷ đồng (105,11%) so với trước khi có Chỉ thị, với trên 155 ngàn hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác còn dư nợ. Nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội được đưa đến 100% xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh, đã tạo điều kiện cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu và đủ điều kiện được tiếp cận với đồng vốn tín dụng chính sách một cách thuận lợi và kịp thời.

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, TỒN TẠI HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA HẠN CHẾ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 78/2002/NĐ-CP

1. Khó khăn, vướng mắc, tồn tại hạn chế

- Chất lượng tín dụng chính sách chưa đồng đều, tại một số địa phương tỷ lệ nợ quá hạn còn cao. Một số khoản vay hiện nay không có khả năng thu hồi nợ do người vay đi tù, bỏ đi khỏi nơi cư trú...

- Đối tượng thụ hưởng chương trình tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo được áp dụng cho các hộ gia đình ra khỏi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trong vòng 03 năm chưa đủ thời gian để các hộ gia đình có điều kiện thoát nghèo bền vững.

- Đối với các chương trình cho vay vùng khó khăn: việc duy trì mức cho vay tối đa như hiện nay (chỉ bằng 1/2 mức cho vay của chương trình hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo) là chưa đảm bảo tương quan về mức vốn cho vay giữa các chương trình tín dụng chính sách. Ngoài ra, biến động giá cả thị trường

tăng lên hàng năm, trong khi quy mô của các cơ sở sản xuất, kinh doanh và thương nhân vùng khó khăn ngày càng tăng lên. Do đó, với mức cho vay tối đa như hiện nay, cơ sở sản xuất kinh doanh và người lao động chưa đủ vốn để đầu tư mà phải tiếp cận với nhiều nguồn vốn khác ngoài thị trường, thậm chí vay vốn với lãi suất cao, dẫn đến hiệu quả của việc đầu tư chưa cao.

- Thời hạn cho vay tối đa 05 năm đối với một số chương trình tín dụng như chương trình hộ mới thoát nghèo, hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn... chưa phù hợp với chu kỳ sinh trưởng, phát triển của một số cây trồng, vật nuôi, ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư và khả năng trả nợ của hộ vay khi đến hạn. Dẫn đến việc người vay phải vay thêm từ các tổ chức, cá nhân khác để đáp ứng đủ nhu cầu vốn hoặc phải mua chịu vật tư, vật liệu, phân bón với giá cao.

- Hiện nay, nhu cầu vay vốn chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm trên địa bàn tỉnh rất lớn, ngoài ra một số trường hợp người dân chưa tiếp cận được nguồn vốn chương trình này do địa điểm thực hiện dự án sản xuất kinh doanh không cùng địa bàn cấp xã với nơi cư trú hợp pháp (do Nghị định số 74/2019/NĐ-CP, quy định điều kiện vay vốn đối với người lao động là nơi thực hiện dự án và nơi cư trú hợp pháp phải thuộc trên cùng một địa bàn cấp xã. Thực tế nhiều trường hợp người lao động cư trú ở một nơi và thực hiện dự án tại xã khác nên không đủ điều kiện để vay vốn).

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Do tình hình dịch bệnh (dịch tả lợn Châu phi, Covid-19), thời tiết diễn biến phức tạp, lũ lụt, sạt lở đất... ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống của người dân, sự bất ổn về giá cả dẫn đến nguồn thu nhập của một số khách hàng không ổn định góp phần dẫn đến nợ quá hạn, lãi tồn tăng.

- Một số nơi chưa thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động hộ nghèo và các đối tượng chính sách mạnh dạn vay vốn để phát triển kinh tế và hướng dẫn người dân cách thức làm ăn để vươn lên thoát nghèo.

- Công tác chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cấp xã có lúc, có nơi chưa thường xuyên quan tâm đến công tác củng cố nâng cao chất lượng tín dụng chính sách.

- Cán bộ các tổ chức CT-XH nhận ủy thác cấp xã tại một số địa phương thay đổi vị trí công tác, nhất là sau Đại hội nên ảnh hưởng đến hoạt động ủy thác. Chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của một số tổ chức CT-XH nhận ủy thác cấp xã còn hạn chế. Việc theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ đối với hộ vay bỏ đi khỏi nơi cư trú gặp nhiều khó khăn.

- Một bộ phận người dân chưa có ý thức vươn lên trong cuộc sống, còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước, không có ý thức tiết kiệm, làm ăn thua lỗ, bỏ khỏi nơi cư trú, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngân hàng. Một số khách hàng đi làm ăn xa, bỏ đi khỏi địa phương không có thông tin, mặc dù đã áp dụng nhiều giải pháp tra cứu thông tin, tìm kiếm địa chỉ nhưng kết quả rất hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến việc xử lý thu hồi nợ.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KINH NGHIỆM

KIỂM TRA

1. Đánh giá chung

- Từ thực tiễn 20 năm triển khai thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP 04/10/2002 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh đã đạt được kết quả quan trọng, nguồn lực tín dụng chính sách đã góp phần tích cực cùng địa phương thực hiện mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

- Hoạt động tín dụng chính sách nói chung, hoạt động NHCSXH nói riêng luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, đặc biệt là Ban Đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh đã làm tốt công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của NHCSXH, cùng với sự tham gia cộng đồng trách nhiệm của các tổ chức CT-XH nhận ủy thác, sự ủng hộ của người nghèo và các đối tượng chính sách khác, sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, nhân viên NHCSXH nên hoạt động chính sách không ngừng phát triển cả về quy mô và chất lượng.

2. Kinh nghiệm

Một là, sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương, của cấp ủy, chính quyền địa phương, Ban Đại diện HĐQT các cấp, sự tham gia trách nhiệm của chính quyền các cấp, đặc biệt là chính quyền cấp xã, áp trong tổ chức vận hành hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Sự phối hợp chặt chẽ giữa NHCSXH với các tổ chức CT-XH là yếu tố quan trọng.

Hai là, việc tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa của tín dụng chính sách xã hội; đề cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Tổ chức thực hiện tốt huy động các nguồn lực cho tín dụng chính sách xã hội gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển giáo dục, dạy nghề, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững.

Ba là, Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng chính sách xã hội, nhằm nâng cao hiệu quả của nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội và kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị, điều chỉnh cơ chế liên quan phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Bốn là, các tổ chức CT-XH nhận ủy thác có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung được ủy thác; phối hợp với chính quyền địa phương trong việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Thực hiện có hiệu quả công tác tư vấn, hướng dẫn xây dựng và nhân rộng các mô hình SXKD có hiệu quả, các mô hình giúp nhau vươn lên thoát nghèo.

Năm là, quan tâm đến công tác đào tạo, tập huấn, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ, trau dồi đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, nhân viên làm công tác tín dụng và nhận ủy thác, để nâng cao năng lực quản lý nguồn vốn tín dụng chính sách, từ đó hiệu quả nguồn vốn tín dụng ngày càng được nâng cao.



Sáu là, làm tốt công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chính sách tín dụng ưu đãi và các chương trình tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác..

Phần thứ hai

ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC GIAI ĐOẠN TIẾP THEO (ĐẾN NĂM 2030)

I. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

1. Tập trung các nguồn lực cho hoạt động tín dụng chính sách, xác định tín dụng chính sách là công cụ của cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm và đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương; tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 40-CT/TW, Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Quyết định số 1630/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; bám sát Chiến lược phát triển NHCSXH giai đoạn 2021 - 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và chương mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả mô hình tổ chức và phương thức quản lý vốn tín dụng chính sách xã hội đặc thù, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Thực hiện có hiệu quả mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng chính sách đặc thù của NHCSXH.

- Hoạt động tín dụng chính sách xã hội phát triển ổn định, bền vững, bảo đảm thực hiện tốt tín dụng chính sách xã hội, tạo điều kiện hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác, góp phần thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo, tạo việc làm, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

2. Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thành tốt các chương trình tín dụng chính sách xã hội được Chính phủ và tỉnh giao; đảm bảo 100% hộ nghèo và các đối tượng thụ hưởng các chương trình tín dụng chính sách theo quy định đủ điều kiện và có nhu cầu đều được tiếp cận với các sản phẩm, dịch vụ do NHCSXH cung cấp.

- Tăng trưởng nguồn vốn và dư nợ tín dụng chính sách bình quân hàng năm từ 8% trở lên. Hàng năm hoàn thành 100% kế hoạch tăng trưởng dư nợ tín dụng được giao.

- Tỷ lệ nợ quá hạn phần đầu dưới 0,5% trên tổng dư nợ.

- Phần đầu hàng năm 100% các xã, phường, thị trấn xếp loại chất lượng tín dụng đạt từ loại khá trở lên trong đó có trên 98% xã, phường, thị trấn đạt loại

tốt; 100% Phòng giao dịch NHCSXH huyện, thành phố xếp loại chất lượng hoạt động tín dụng đạt loại tốt.

- Hoàn thành 100% kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm của Ban Đại diện HĐQT NHCSXH, tổ chức CT- XH nhận ủy thác và NHCSXH các cấp, đảm bảo vốn tín dụng chính sách được chuyển tải đến đúng đối tượng thụ hưởng, sử dụng đúng mục đích, an toàn và hiệu quả, ý nghĩa, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đa dạng hoá các sản phẩm, dịch vụ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nghiệp vụ phù hợp với hoạt động của NHCSXH trong thời kỳ mới.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư, Quyết định số 1630/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết số 11/NQ-CP Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Công văn số 104-CV/TU và Công văn số 335-CV/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội, Kế hoạch số 244/KH-UBND của UBND tỉnh; nâng cao vai trò, trách nhiệm và hoạt động hiệu quả của cấp ủy chính quyền địa phương các cấp và các tổ chức CT-XH trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội, xác định nhiệm vụ chỉ đạo đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội là một trong những nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch, hoạt động thường xuyên của tỉnh. Tiếp tục bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác để bổ sung cho vay hộ nghèo, hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn; hỗ trợ về cơ sở vật chất, phương tiện làm việc hoạt động của NHCSXH tại các địa phương.

2. Tập trung nguồn lực cho NHCSXH để thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách; Ban Đại diện HĐQT NHCSXH chủ động tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp tục cân đối, ưu tiên bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác sang NHCSXH nhằm bổ sung nguồn vốn cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn, coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong thời gian tới.

3. Triển khai thực hiện tốt các chương trình tín dụng chính sách xã hội được giao, đảm bảo nguồn vốn đến đúng đối tượng thụ hưởng, hộ vay sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả và hoàn trả vốn vay đúng hạn; phối hợp hiệu quả giữa các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm với hoạt động tín dụng chính sách; tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp để ổn định và nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

4. Ban Đại diện HĐQT NHCSXH các cấp thực hiện tốt công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban Đại diện HĐQT NHCSXH các cấp, tổ chức và nâng cao chất lượng các phiên họp theo định kỳ hàng quý đúng quy định;

tháo gỡ khó khăn, vướng mắc kịp thời cho NHCSXH, các tổ chức CT-XH trong quá trình hoạt động; thường xuyên chỉ đạo việc củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách xã hội theo chỉ tiêu được giao; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công.

5. Tổ chức CT-XH nhận ủy thác thực hiện đầy đủ và hiệu quả các nội dung công việc nhận ủy thác của NHCSXH, nắm chắc tình hình sử dụng vốn, tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách xã hội, chất lượng hoạt động ủy thác. Phối hợp làm tốt công tác nhận diện, bình xét, xác nhận đối tượng đủ điều kiện vay vốn các chương trình tín dụng chính sách xã hội; làm tốt công tác kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay, đôn đốc nợ đến hạn; duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động tại các Điểm giao dịch xã đảm bảo an toàn, hiệu quả; chú trọng kiện toàn, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Tổ TK&VV, nâng cao năng lực của Ban Quản lý Tổ TK&VV; thường xuyên tư vấn, hướng dẫn sử dụng vốn vay có hiệu quả; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh điển hình, giúp nhau vươn lên thoát nghèo và làm giàu chính đáng.

6. Thường xuyên nâng cao chất lượng hoạt động của Điểm giao dịch xã, xem đây là hình ảnh và là thương hiệu đặc trưng riêng có của NHCSXH. Trang bị đầy đủ các phương tiện, công cụ dụng cụ, bố trí con người đảm bảo để thực hiện tốt các nội dung phần việc tại Điểm giao dịch xã, chuyển tải nguồn vốn tín dụng chính sách đến đối tượng vay vốn kịp thời, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của người nghèo và các đối tượng chính sách khác trong quan hệ tín dụng với NHCSXH. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Điểm giao dịch xã, kịp thời chấn chỉnh các tồn tại, thiếu sót trong hoạt động giao dịch xã.

7. Có giải pháp chủ động thực hiện việc huy động vốn, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả. Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tổ chức tập huấn, phổ biến quy trình nghiệp vụ theo các quy định của NHCSXH, của các bộ, ngành có liên quan đến cán bộ, người lao động trong đơn vị. Thường xuyên bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, người lao động trong đơn vị; triển khai, áp dụng các sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ đem lại tiện ích cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

8. Thực hiện tốt công tác quản lý và xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan theo đúng quy định của cấp có thẩm quyền (hiện nay là Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2021 của HĐQT về việc xử lý rủi ro trong hệ thống NHCSXH); thực hiện xử lý rủi ro đảm bảo chính xác, kịp thời, đúng quy định.

9. Đẩy mạnh việc khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động góp phần giải quyết công việc nhanh chóng, kịp thời, có hiệu quả, đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật. Tập trung đẩy mạnh khai thác các sản phẩm phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin của NHCSXH nhằm kịp thời đưa các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng là yêu cầu cấp thiết trong thời gian tới. Nhằm phục vụ có hiệu quả, thiết thực nhu cầu của khách hàng.

10. Tăng cường công tác truyền thông, đẩy mạnh tuyên truyền về tín dụng chính sách xã hội đến các cấp, các ngành, các tầng lớp Nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, hiệu quả. Chú trọng, làm tốt công tác tuyên truyền, công khai chủ trương, chính sách và kết quả thực hiện tín dụng chính sách xã hội tại Điểm giao dịch xã nhằm phát huy vai trò giám sát của Nhân dân trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để tiếp tục phát huy tốt vai trò, hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương, UBND tỉnh Kiên Giang có một số kiến nghị:

- Đối với chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo: nâng thời gian cho hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo được thụ hưởng chương trình tín dụng này (*quy định hiện nay là 03 năm*) để hộ mới thoát nghèo có thêm thời gian tiếp cận nguồn vốn ưu đãi, phát triển kinh tế, thoát nghèo bền vững.

- Đối với chương trình hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn: nâng mức cho vay từ 50 triệu đồng/ hộ lên 100 triệu đồng/hộ.

- Xem xét bố trí nguồn vốn để cho vay hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp (theo Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025) và hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp (theo Quyết định số 897/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022-2030).

- Quan tâm bố trí bổ sung vốn cho tỉnh Kiên Giang để triển khai cho vay các chương trình tín dụng chính sách, đáp ứng nhu cầu của hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

Trên đây là Báo cáo tổng kết 20 năm triển khai chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Nơi nhận:

- HĐQT NHCSXHVN;
- NHCSXH Việt Nam;
- TT Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh (Đảng, CQ, ĐT& DNNN);
- Các TV BDD HĐQT NHCSXH tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- LĐVP, Phòng KT;
- Lưu: VT, tvhung.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Nhân